

Translate the following sentences into English, using the comparison
(Dịch các câu sau sang tiếng Anh, sử dụng các cấu trúc so sánh hơn kém)

1. Nước nào lớn hơn, Tây Ban Nha hay nước Anh?

2. Chiếc áo khoác này ấm hơn chiếc kia.

3. Một chiếc túi da đắt hơn một chiếc túi nhựa.

4. Cuộc sống ở vùng nông thôn ít bận rộn hơn ở thành phố.

5. Chồng tôi cao hơn tôi.

6. Kate làm bài tập nhanh hơn Bob.

7. Cô ấy xinh hơn em gái cô ấy.

8. Châu Á lớn hơn châu Âu.

9. Vận động viên này chạy nhanh hơn chúng tôi.

10. Con mèo của tôi béo hơn con mèo của bạn.

11. Anh ấy lái xe cẩn thận hơn tôi.

12. Hôm nay nóng hơn hôm qua.

13. Em trai tôi cao hơn anh trai tôi.

14. Anh ấy chơi bóng đá tốt hơn trước.

15. Bộ phim này nhàm chán hơn bộ phim kia.

16. Thành phố ồn ào hơn vùng nông thôn.

17. Cô ấy hát hay hơn tôi.

18. Cái bàn này nặng hơn cái ghế.

19. Anh ấy học chăm chỉ hơn bạn cùng lớp anh ấy.

20. Tôi đi bộ chậm hơn bạn tôi.
